

Số: **938** /2021/QĐST-HNGĐ

Đông Đa, ngày 16 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 793/2021/HNGĐ – ST ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa những người yêu cầu:

- **Chị HTTH**, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 145 tổ 99 Hào Nam (mới 19 ngách 189/39 Giảng Võ), phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- **Anh NHD**, sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 145 tổ 99 Hào Nam (mới 19 ngách 189/39 Giảng Võ), phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/12/2021 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 793/2021/HNGĐ – ST ngày 10 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị HTTH và anh NHD.**

2. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **HTTH** và anh **NHD** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Mùng Khén, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 03/9/2014.

Nay chị **HTTH** và anh **NHD** cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị **HTTH** và anh **NHD** có 02 con chung tên là **NHA** (giới tính nữ), sinh ngày 23/02/2015 và cháu **NHN** (giới tính nam), sinh ngày 05/3/2017. Ly hôn, ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của chị **H** và anh **D**: Giao cho anh **D** được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (Hai) con chung là cháu **H A** và cháu **H N** cho đến khi cả 02 (Hai) con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi 02 (Hai) con chung đối với chị **H** cho đến khi anh **D** có yêu cầu hoặc khi có Quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế.

Chị **H** có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung** (động sản và bất động sản): Chị **HTTH** và anh **NHD** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- **Về nợ:** Chị **HTTH** và anh **NHD** xác nhận anh chị không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- **Về lệ phí:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị **HTTH** và anh **NHD** để chị **H** tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị **H** đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0069277 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

NBH

